TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NINH BÌNH

KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM DÒ CHỨC NĂNG

Địa chỉ: Đường Lê Thái Tổ, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình

Điện thoại: 02293888939; Fax:

VILAS 1043

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

Số/No:0926709/1480

1. Tên mẫu/ *name of sample:* Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ *Name/Address of customer*: Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh - Lô L1, đường D1, KCN Bảo Minh, Km số 10, xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình
3. Mô tả mẫu/Description: Mẫu lấy tại công ty Pad Mac - KCN Bảo Minh, đựng trong chai nhựa PET có thể tích 500ml và chai thủy tinh 250ml, đậy nắp kín, để nhiệt độ thường.
4. Ngày nhận mẫu/*Date of receipt:* 15/9/2026
5. Người lấy/gửi mẫu/*Sample taking*: Vũ Thị Nguyệt, Trần Thị Hoa
6. Thời gian thử nghiệm/ *testing time*: 15/9/2026 – 25/9/2026
7. Kết quả thử nghiệm/*Test result:*

TT *No.*	Tên thông số *Paramenter name*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả thử nghiệm *Result*	Ngưỡng Giới hạn cho phép theo *QCVN 01-1:2024/BYT*
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015 Phương pháp C	TCU	< 10,0	15
2	Mùi	SMEWW 2015:2023	/	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục(*)	SMEWW 2130 -2023	NTU	<0,02	2
4	pH(*)	TCVN 6492:2011	/	7,10	Trong khoảng 6,0 - 8,5
5	Clo dư	XN.H.HD.PP.44	mg/L	0,4	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Chỉ số Pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,96	2
7	Hàm lượng Amoni	XN.H.HD.PP.38	mg/L	<0,1	1,0
8	Hàm lượng Asen	TCVN 6626:2000	mg/L	<0,002	0,01
9	E. coli *	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100 mL	0	< 1
10	Coliforms *	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100 mL	0	< 1

(*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO /IEC - 17025 :2017, VILAS 1043.

Ninh Bình, ngày 25 tháng 9 năm 2026

TRƯỞNG KHOA
Head of Department

Đỗ Trọng Tới

GIÁM ĐỐC
Director

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NINH BÌNH

Lê Hoàng Nam

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình/ *The test report must not be reproduced without the written approval of CDC.NB.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa/ *The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Faculty*

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NINH BÌNH
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM DÒ CHỨC NĂNG
Địa chỉ: Đường Lê Thái Tổ, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Điện thoại: 02293888939; Fax:

VILAS 1043

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No:0926709/1478

1. Tên mẫu/ *name of sample:* Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ *Name/Address of customer*: Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh - Lô L1, đường D1, KCN Bảo Minh, Km số 10, xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình
3. Mô tả mẫu/Description: Mẫu lấy tại đầu vòi sau phòng bảo vệ Nhà máy xử lý nước thải - KCN Bảo Minh, mẫu đựng trong chai nhựa PET có thể tích 500ml và chai thủy tinh 250ml, đậy nắp kín, để nhiệt độ thường.
4. Ngày nhận mẫu/*Date of receipt:* 15/9/2026
5. Người lấy/gửi mẫu/*Sample taking*: Vũ Thị Nguyệt, Trần Thị Hoa
6. Thời gian thử nghiệm/ *testing time*: 15/9/2026 – 25/9/2026
7. Kết quả thử nghiệm/*Test result:*

TT *No.*	Tên thông số *Paramenter name*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả thử nghiệm *Result*	Ngưỡng Giới hạn cho phép theo *QCVN 01-1:2024/BYT*
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015 Phương pháp C	TCU	< 10,0	15
2	Mùi	SMEWW 2015:2023	/	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục(*)	SMEWW 2130 -2023	NTU	0,08	2
4	pH(*)	TCVN 6492:2011	/	7,08	Trong khoảng 6,0 - 8,5
5	Clo dư	XN.H.HD.PP.44	mg/L	0,55	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Chỉ số Pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	1,02	2
7	Hàm lượng Amoni	XN.H.HD.PP.38	mg/L	<0,1	1,0
8	Hàm lượng Asen	TCVN 6626:2000	mg/L	<0,002	0,01
9	E. coli *	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100 mL	0	< 1
10	Coliforms *	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100 mL	0	< 1

(*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO /IEC - 17025 :2017, VILAS 1043.

Ninh Bình, ngày 25 tháng 9 năm 2026

TRƯỞNG KHOA
Head of Department

Đỗ Trọng Tới

GIÁM ĐỐC
Director

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NINH BÌNH

Lê Hoàng Nam

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình/ *The test report must not be reproduced without the written approval of CDC.NB.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa/ *The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Faculty*

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NINH BÌNH
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM DÒ CHỨC NĂNG
Địa chỉ: Đường Lê Thái Tổ, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Điện thoại: 02293888939; Fax:

VILAS 1043

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No:0926709/1479

1. Tên mẫu/ *name of sample:* Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ *Name/Address of customer*: Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh - Lô L1, đường D1, KCN Bảo Minh, Km số 10, xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình
3. Mô tả mẫu/Description: Mẫu lấy tại khu nhà điều hành - KCN Bảo Minh, nước đựng trong chai nhựa PET có thể tích 500ml và chai thủy tinh 250ml, đậy nắp kín, để nhiệt độ thường.
4. Ngày nhận mẫu/*Date of receipt:* 15/9/2026
5. Người lấy/gửi mẫu/*Sample taking*: Vũ Thị Nguyệt, Trần Thị Hoa
6. Thời gian thử nghiệm/ *testing time*: 15/9/2026 – 25/9/2026
7. Kết quả thử nghiệm/*Test result:*

TT *No.*	Tên thông số *Paramenter name*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả thử nghiệm *Result*	Ngưỡng Giới hạn cho phép theo *QCVN 01-1:2024/BYT*
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015 Phương pháp C	TCU	< 10,0	15
2	Mùi	SMEWW 2015:2023	/	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục(*)	SMEWW 2130 -2023	NTU	0,09	2
4	pH(*)	TCVN 6492:2011	/	6,98	Trong khoảng 6,0 - 8,5
5	Clo dư	XN.H.HD.PP.44	mg/L	0,45	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Chỉ số Pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,96	2
7	Hàm lượng Amoni	XN.H.HD.PP.38	mg/L	<0,1	1,0
8	Hàm lượng Asen	TCVN 6626:2000	mg/L	<0,002	0,01
9	E. coli *	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100 mL	0	< 1
10	Coliforms *	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100 mL	0	< 1

(*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO /IEC - 17025 :2017, VILAS 1043.

Ninh Bình, ngày 25 tháng 9 năm 2026

TRƯỞNG KHOA
Head of Department

Đỗ Trọng Tới

GIÁM ĐỐC
Director

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NINH BÌNH

Lê Hoàng Nam

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình/ *The test report must not be reproduced without the written approval of CDC.NB.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa/ *The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Faculty*

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NINH BÌNH
KHOA XÉT NGHIỆM – CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH – THĂM DÒ CHỨC NĂNG
Địa chỉ: Đường Lê Thái Tổ, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
Điện thoại: 02293888939; Fax:

VILAS 1043

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No:0926709/1477

1. Tên mẫu/ *name of sample:* Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
2. Tên/địa chỉ khách hàng/ *Name/Address of customer*: Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng KCN Bảo Minh - Lô L1, đường D1, KCN Bảo Minh, Km số 10, xã Vụ Bản, tỉnh Ninh Bình
3. Mô tả mẫu/Description: Nước lấy tại đầu vòi máy phát thành phẩm - phòng vận hành của nhà máy nước sạch KCN Bảo Minh, đựng trong chai nhựa PET có thể tích 500ml và chai thủy tinh 250ml, đậy nắp kín, để nhiệt độ thường.
4. Ngày nhận mẫu/*Date of receipt:* 15/9/2026
5. Người lấy/gửi mẫu/*Sample taking*: Vũ Thị Nguyệt, Trần Thị Hoa
6. Thời gian thử nghiệm/ *testing time*: 15/9/2026 – 25/9/2026
7. Kết quả thử nghiệm/*Test result:*

TT *No.*	Tên thông số *Paramenter name*	Phương pháp thử *Test method*	Đơn vị *Unit*	Kết quả thử nghiệm *Result*	Ngưỡng Giới hạn cho phép theo *QCVN 01-1:2024/BYT*
1	Màu sắc	TCVN 6185:2015 Phương pháp C	TCU	< 10,0	15
2	Mùi	SMEWW 2015:2023	/	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ
3	Độ đục(*)	SMEWW 2130 -2023	NTU	0,09	2
4	pH(*)	TCVN 6492:2011	/	7,23	Trong khoảng 6,0 - 8,5
5	Clo dư	XN.H.HD.PP.44	mg/L	0,75	Trong khoảng 0,2 - 1,0
6	Chỉ số Pecmanganat(*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0,96	2
7	Hàm lượng Amoni	XN.H.HD.PP.38	mg/L	<0,1	1,0
8	Hàm lượng Asen	TCVN 6626:2000	mg/L	<0,002	0,01
9	E. coli *	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100 mL	0	< 1
10	Coliforms *	TCVN 6187-1: 2019	CFU/100 mL	0	< 1

(*) : Chỉ tiêu được công nhận ISO /IEC - 17025 :2017, VILAS 1043.

Ninh Bình, ngày 25 tháng 9 năm 2026

TRƯỞNG KHOA
Head of Department

Đỗ Trọng Tới

GIÁM ĐỐC
Director

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NINH BÌNH

Lê Hoàng Nam

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test result are valid for the submitted sample(s) only.*
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình/ *The test report must not be reproduced without the written approval of CDC.NB.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Khoa/ *The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Faculty*